TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1998 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Phạm Đoàn E, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp F, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Phạm Đoàn E chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng

nhận kết hôn ngày 13 tháng 6 năm 2016, thời gian chung sống, chị và anh Phạm Đoàn E có 01 người con chung tên Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 sống chung với chị từ khi anh chị ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Đoàn E không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Phạm Đoàn E thường xuyên bất hòa cự cãi sống không hạnh phúc, mỗi khi vợ chồng cự cãi với nhau thì anh Phạm Đoàn E và gia đình của anh Phạm Đoàn E xúc phạm chị và đuổi chị đi khỏi nhà nhiều lần đến nay vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị không còn chịu đựng được và chị sống ly thân với anh Phạm Đoàn E từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay, anh Phạm Đoàn E cũng không đến gặp chị an ủi, động viên và hàn gắn, chị không muốn hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con chung với anh Phạm Đoàn E. Chị thấy, chị và anh Phạm Đoàn E không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đoàn E. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Phạm Đoàn E cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Tòa án giải thích cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Đoàn E trình bày như sau*:

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Võ Thị M trình bày trên là đúng. Anh và chị Võ Thị M chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang, thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung tên Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 đang sống chung với chị Võ Thị M từ khi anh chị ly thân đến nay. Thời gian chung sống anh và chị Võ Thị M thường xuyên cãi nhau trong quản lý tiền bạc, anh thừa nhận khi cự cãi anh có đuổi chị Võ Thị M đi khỏi nhà. Nay anh còn tình cảm với chị Võ Thị M, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ với chị Võ Thị M. Về quan hệ con chung, nếu chị Võ Thị M cương quyết ly hôn, theo quy định pháp luật cho chị Võ Thị M ly hôn với anh thì anh đồng ý giao người con chung tên Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 cho chị Võ Thị M tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, không có, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Phạm Nhã V như sau*:

Phạm Nhã V là con của anh Phạm Đoàn E và chị Võ Thị M, từ khi cha mẹ không chung sống với nhau thì Phạm Nhã V sống chung với mẹ là chị Võ Thị M. Nếu cha mẹ của Phạm Nhã V ly hôn, Phạm Nhã V có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Võ Thị M, địa chỉ: ấp F, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang). Phạm Nhã V cam kết lời trình bày của Phạm Nhã V là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Phạm Đoàn E và chị Võ Thị M xác lập hôn nhân và sinh sống tại ấp F B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang, anh chị mâu thuẫn gì thì không nắm rõ, chỉ biết anh chị đã sống ly thân vài tháng nay. Anh Phạm Đoàn E và chị Võ Thị M có 01 người con chung, hiện nay anh Phạm Đoàn E chăm sóc và nuôi dưỡng.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Võ Thị M (Bản sao) và Phạm Đoàn E (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Võ Thị M và anh Phạm Đoàn E số: 75, cấp ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trích lục khai sinh tên Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 (Bản sao); Đơn xác nhận tình trạng cư trú ngày 31 tháng 3 năm 2025 của chị Võ Thị M (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trình bày nguyện vọng ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Phạm Nhã V (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Võ Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đoàn E. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Nhã V theo nguyện vọng của con anh chị, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Phạm Đoàn E cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Đoàn E vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị

đơn anh Phạm Đoàn E vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Võ Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đoàn E và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Võ Thị M được ly hôn với anh Phạm Đoàn E. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Võ Thị M tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Võ Thị M không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Võ Thị M tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị M yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Đoàn E và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp F B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang) nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thành, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Đoàn E nhưng anh Phạm Đoàn E vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do; tại phiên tòa hôm nay, chị Võ Thị M không yêu cầu hoãn phiên tòa, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Đoàn E theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Võ Thị M và anh Phạm Đoàn E chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 75 ngày 13 tháng 6 năm 2016, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là

quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Võ Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đoàn E, quá trình chung sống chị và anh Phạm Đoàn E thường xuyên bất hòa cự cãi sống không hạnh phúc, mỗi khi cự cãi với nhau thì anh Phạm Đoàn E và gia đình của anh Phạm Đoàn E xúc phạm chị và đuổi chị đi khỏi nhà nhiều lần, đến nay vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị không còn chịu đựng được và chị sống ly thân với anh Phạm Đoàn E từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay, anh Phạm Đoàn E cũng không đến gặp chị an ủi, động viên và hàn gắn, chị không muốn hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con chung. Chị thấy, chị và anh Phạm Đoàn E không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đoàn E thì anh Phạm Đoàn E thừa nhận thời gian chung sống anh Phạm Đoàn E và chị Võ Thị M thường xuyên bất hòa cự cãi trong quản lý tiền bạc, khi cự cãi anh có đuổi chị Võ Thị M đi khỏi nhà, anh còn tình cảm với chị Võ Thị M, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ với chị Võ Thị M. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Võ Thị M và anh Phạm Đoàn E đến khoảng tháng 01 năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống chung không hạnh phúc từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Võ Thị M cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đoàn E. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M, cho chị Võ Thị M được ly hôn với anh Phạm Đoàn E là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Võ Thị M và anh Phạm Đoàn E có 01 người con chung tên Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016, sống chung với chị Võ Thị M từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị Võ Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; anh Phạm Đoàn E cũng đồng ý giao người con chung của anh chị cho chị Võ Thị M tiếp tục nuôi dưỡng khi anh chị ly hôn, đồng thời con chung của anh chị có nguyện vọng chung sống với chị Võ Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Võ Thị M, sự tự nguyện của anh Phạm Đoàn E và ý kiến nguyện vọng của con chung anh chị, giao người con chung của anh chị tên: Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 cho chị Võ Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao

động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Võ Thị M không yêu cầu anh Phạm Đoàn E cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh chị tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị M được ly hôn với anh Phạm Đoàn E.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị, giao người con chung của anh chị tên: Phạm Nhã V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 cho chị Võ Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con chung anh chị và hiện nay đang chung sống với chị Võ Thị M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị M không yêu cầu anh Phạm Đoàn E cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh chị tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011977 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang). Chị Võ Thị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/8/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái, tỉnh An Giang;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo